

Số: 89 /KH-THPH

Phong Hải, ngày 27 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ thông tư 03/VBHN-BGD&ĐT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Căn cứ công văn số 2345/BGD&ĐT ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường cấp Tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ công văn số 880/PGDĐT-CMTH ngày 19/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên V/v hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 cấp Tiểu học;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, trường Tiểu học Phong Hải xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2023-2024:

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:

Trường Tiểu học Phong Hải nằm ở trung tâm đảo Hà Nam thuộc phường Phong Hải. Nhà trường có 1 điểm trường chính (Khu trung tâm) có diện tích là: 5915,7 m² nằm ở thôn 4, xã Phong Hải, huyện Yên Hưng, Tỉnh Quảng Ninh và nay là Khu 4, phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Trường có cơ sở vật chất khang trang, đường đi thuận tiện, yên tĩnh, khô ráo, thoáng mát, thuận lợi cho học sinh đi học và học tập ở trường.

- Phát huy những kết quả đạt được trong năm 2023, UBND phường Phong Hải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo điều hành, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn tiếp tục cố gắng vừa đoàn kết chống dịch vừa lao động sản xuất an toàn.

- Công tác văn hóa xã hội luôn được quan tâm; chú trọng việc thông tin, tuyên truyền, tổ chức các hoạt động thiết thực nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe cho bà con, nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội như chi trả, trợ cấp, thăm tặng quà cho các đối tượng chính sách, công tác an sinh xã hội được quan tâm triển khai đầy đủ, kịp thời.

- Công tác giáo dục vẫn luôn được các nhà trường chủ động đảm bảo an toàn và chất lượng. Các nhà trường trên địa bàn luôn tích cực phối hợp với công an phường, an ninh khu phố, lực lượng y tế phường đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống dịch bệnh tại các cổng trường trước và sau giờ tan học.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025:

2.1. Đặc điểm học sinh của trường:

Học sinh của trường đa số có hộ khẩu và sinh sống trên địa bàn phường Phong Hải. Học sinh có nề nếp luôn được sự quan tâm của Đảng, chính quyền các cấp, của các ban ngành, đoàn thể xã hội địa phương, của cha mẹ học sinh và của ngành cấp trên. Học sinh đạt một số thành tích trong năm học 2023-2024 như sau: Có 39 em đạt giải trong các cuộc thi giao lưu cấp thị xã, Học sinh tham gia thi cấp tỉnh: 01 học sinh đạt giải Khuyến khích cuộc thi Vì Quảng Ninh giỏi Tiếng Anh; 02 Huy chương bạc đá cầu cấp tỉnh; 02 Huy chương bạc đá cầu Hội khoẻ Phù Đổng cấp Quốc gia. học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học được lên lớp thẳng đạt trên 99,4%

Thống kê số liệu học sinh năm học 2024 - 2025

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT		HS KT		Bán trú	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 1	143	72	50.35	0	0	0	0	0	0	112	78.32
Khối 2	119	74	62.18	1	0.84	1	0.84	0	0	89	74.79
Khối 3	101	44	43.56	2	1.98	1	0.99	0	0	62	61.39
Khối 4	142	73	51.41	1	0.7	1	0.7	1	0.7	83	58.45
Khối 5	126	59	46.83	1	0.79	0	0	2	1.59	44	34.92
Tổng cộng	631	322	51.03	5	0.79	3	0.48	3	0.48	390	61.81

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo: 9 học sinh; Học sinh con mồ côi: 06 học sinh

Tỉ lệ học sinh/lớp: 32,3 (631 học sinh = 19 lớp)

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên nhân viên, cán bộ quản lý:

- Toàn trường có: 32 đ/c CBGVNV (100% GV trong biên chế) trong đó:

+ CBQL: 02 đ/c (Trình độ: 01 đ/c Thạc sĩ QLGD; 01 đ/c Đại học)

+ GV: 27 đ/c (trình độ: 25 đ/c Đại học = 92,6 % trình độ đạt chuẩn;)

+ Trình độ Cao đẳng: 0 Trình độ Trung cấp đồng chí 7,4%

+ Nhân viên: 03 đ/c (0 đ/c: Đại học; 01 Cao đẳng; 01 đ/c TC).

- Nhà trường có 01 chi bộ độc lập gồm 19 đảng viên.

Đội ngũ giáo viên đạt tỉ lệ 1,42 giáo viên/lớp đảm bảo đủ số lượng để triển khai dạy học 9 buổi /tuần tối thiểu 32 tiết cho toàn bộ các khối lớp.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; cơ sở vật chất thực hiện bán trú:

a. Cơ sở vật chất

- Diện tích toàn trường: 5.428.1m²

Cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đảm bảo đáp ứng được cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập theo hướng đổi mới. Số lượng phòng học có thể đáp ứng đủ 1 lớp/phòng. Cụ thể:

- Số phòng học: 19 phòng/19 lớp (Trong đó có 9 phòng được trang bị máy chiếu; 7 phòng trang bị ti vi)

- Phòng Âm nhạc: 01.

- Phòng Mĩ thuật: 01.

- Phòng Tin học: 01.

- Phòng Tiếng Anh: 01

- Phòng Khoa học và Công nghệ: 01.

- Phòng Đa năng: 01.

- Phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh hoà nhập: 01

- Phòng học trải nghiệm: 01.

- Phòng truyền thông: 01.

- Phòng Đội: 01.

- Phòng thư viện: 01 (thư viện đạt thư viện mức 1).

- Phòng thiết bị: 01.

- Khối phòng hành chính – quản trị có đầy đủ các phòng dành cho Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán, phòng họp hội đồng, phòng y tế, Tất cả các phòng đều được trang bị máy tính nối mạng internet và các thiết bị văn phòng (máy in, máy tính, máy potpcopy...).

- **Thiết bị dạy học:**

+ Bàn ghế: 408 bộ (bàn ghế bán trú: 178; bàn ghế rời; 230; bàn ghế máy tính: 18).

+ Bảng lớp: 19/19

+ Máy chiếu và ti vi: 23 (19 phòng học; 1 phòng Tiếng Anh, 01 phòng trải nghiệm; 01 phòng tin học và 01 phòng hội đồng).

+ Trang thiết bị thư viện tiên tiến:

+ Trang thiết bị 01 phòng học Tiếng Anh: máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, máy chiếu hắt, loa, mic, bộ trắc nghiệm của học sinh.

+ Trang thiết bị 01 phòng trải nghiệm

+ 01 thiết bị sân chơi ngoài trời

+ Thiết bị dạy học lớp 1 và các khối lớp 2,3,4,5.

- **Cơ sở vật chất thực hiện bán trú:**

- Số phòng học có bàn ghế bán trú: 11 phòng (178 bộ).

- Tủ đựng đồ dùng bán trú: 10 tủ

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng với nhu cầu phát triển giáo dục ngày càng cao của nhà trường, của địa phương và điều kiện tổ chức cho học sinh học bán trú tại trường.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025:

1. Chỉ tiêu chung:

Tổ chức triển khai giáo dục năm học 2024 - 2025 bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh;

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với các khối lớp từ khối 1 đến khối 5.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện bảo đảm chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019;

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục, PCGD-XMC

- Giữ vững 631/631 học sinh = 19/19 lớp theo kế hoạch được phê duyệt;
- Huy động huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, không có học sinh bỏ học;
- Đạt chuẩn PCGD: mức độ 3.

2.2. Chất lượng giáo dục

- Học 9 buổi/tuần: 19/19 = 100% các lớp dạy học 2 buổi/ngày
- Tăng cường giáo dục ngoại ngữ và tin học:
 - + 369/369 HS = 100% học sinh lớp 3,4,5 được học tiếng Anh với thời lượng 4 tiết/tuần;
 - + 369/369HS = 100% HS từ lớp 3 đến lớp 5 được học chương trình môn Tin học.
- Chất lượng môn học và các hoạt động giáo dục:
 - + Chương trình lớp học: Hoàn thành và hoàn thành tốt trên 99,8%, Chưa hoàn thành 0,2%;
 - + Hoàn thành chương trình tiểu học: 100% .
 - + Năng lực, phẩm chất: Đạt trên 100% .

CHỈ TIÊU GIÁO DỤC CUỐI NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
			SL	SL	SL	SL	SL
I	Tổng số học sinh	631	143	119	101	142	126
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần)	631	143	119	101	142	126
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	0					
1	<i>Tốt</i>	327	85	71	51	66	54
2	<i>Đạt</i>	304	58	48	50	76	72
3	<i>Cần cố gắng</i>	0					
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	0					
Môn Tiếng Việt	<i>Hoàn thành tốt</i>	347	80	71	58	78	60
	<i>Hoàn thành</i>	283	62	48	43	64	66
	<i>Chưa hoàn thành</i>	1	1				0
Môn Toán	<i>Hoàn thành tốt</i>	354	80	73	65	78	58
	<i>Hoàn thành</i>	277	63	46	36	64	68
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
TN-XN	<i>Hoàn thành tốt</i>	227	80	80	67		
	<i>Hoàn thành</i>	136	63	39	34		
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Khoa học	<i>Hoàn thành tốt</i>	141				79	62
	<i>Hoàn thành</i>	127				63	64
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Lịch sử & Địa lý	<i>Hoàn thành tốt</i>	142				79	63
	<i>Hoàn thành</i>	126				63	63
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Âm nhạc; Nghệ thuật (Âm nhạc)	<i>Hoàn thành tốt</i>	362	82	72	57	81	70
	<i>Hoàn thành</i>	269	61	47	44	61	56
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Mĩ thuật; Nghệ thuật (Mĩ thuật)	<i>Hoàn thành tốt</i>	354	83	73	57	74	67
	<i>Hoàn thành</i>	277	60	46	44	68	59
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					

	<i>Hoàn thành tốt</i>	367	80	70	67	79	71
GDTC	<i>Hoàn thành</i>	264	63	49	34	63	55
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Tiếng Anh	<i>Hoàn thành tốt</i>	185			57	69	59
	<i>Hoàn thành</i>	184			44	73	67
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Tin học; Tin học & Công Nghệ (Tin học)	<i>Hoàn thành tốt</i>	189			57	70	62
	<i>Hoàn thành</i>	180			44	72	64
Đạo đức	<i>Hoàn thành tốt</i>	383	83	80	68	80	72
	<i>Hoàn thành</i>	249	60	39	33	62	55
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Tin học & Công Nghệ (Công nghệ)	<i>Hoàn thành tốt</i>	201			60	77	64
	<i>Hoàn thành</i>	178			51	65	62
	<i>Chưa hoàn thành</i>	0					
Hoạt động trải nghiệm		378	80	77	69	79	73
		253	63	42	32	63	53
		0					
V	Tổng hợp kết quả cuối học kỳ 2	0					
1	Lên lớp	630	142	119	101	142	126
a	<i>Trong đó: Khen cấp trường</i>	306	74	68	50	60	54
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng</i>	40			5	15	20

- + Bảo đảm ATGT, phòng tránh tai nạn đuối nước: 100 % học sinh lớp 3,4,5 được học bơi và 100% học sinh được tuyên truyền và không vi phạm ATGT
- + Bảo đảm chăm sóc sức khỏe: 100% học sinh được khám sức khỏe ban đầu
- + Tuyên truyền cho 100% phụ huynh chủ trương không dùng tiền mặt; 100% phụ huynh thực hiện nộp tiền các khoản đóng góp qua tài khoản.
- + Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 19/19 = 100%
- + Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thị xã: 9/19 = 47,4%
- + Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh : 2/27 = 7,4%

2.3. Về xây dựng đội ngũ

- Về trình độ đạt trình độ Chuẩn theo Luật giáo dục 2019:

+ CBQL: 2/2 đ/c = 100%

+ Giáo viên 27/27 đ/c = 100%

- Hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên:

+ 2/2 = 100% cán bộ quản lí xếp loại Hoàn thành;

+ 27/27 = 100% giáo viên xếp loại Hoàn thành;

- Kết quả đánh giá CBQL theo Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: 02/02 đ/c Xếp loại Tốt đạt trên 100%

- Kết quả đánh giá giáo viên theo Chuẩn NNGVTH: Tốt 40%, Khá 50%.

- 100% cán bộ giáo viên sử dụng CNTT 100% giáo viên sử dụng thành thạo CNTT và ứng dụng hiệu quả CNTT vào dạy học

2.4. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

- Trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị dạy học cho lớp 1,2,3,4,5;

- Trường đạt danh hiệu thư viện mức 2 năm 2024.

2.5. Nâng cao chất lượng kết quả thi đua:

+ Trường đạt danh hiệu *Tập thể Lao động tiên tiến Xuất sắc*

+ Tập thể trường được Bằng khen của UBND tỉnh

+ Tập thể trường được nhận cờ thi đua

+ Tập thể trường được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

+ Công đoàn cơ sở đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

+ Đoàn TNCS đạt danh hiệu Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

+ Tỷ lệ cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” 32/32 = 100%

+ Cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 7 người = 21,8%

+ Cá nhân đạt Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã : 2 người

+ Cá nhân đạt Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo : 2 người

+ Cá nhân được Bằng khen của UBND tỉnh: 01 người

+ Số đoàn viên đạt danh hiệu “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”: 20 người

+ Số “Đoàn viên công đoàn ưu tú giới thiệu cho Đảng” : 1 người

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC:

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

(Phụ lục 1.1)

Nội dung giáo dục	Số tiết/năm học				
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1. Môn học bắt buộc					
Tiếng Việt	420	350	245	245	245
Toán	105	175	175	175	175
Ngoại ngữ Tiếng Anh			140	140	140
Đạo đức	35	35	35	35	35
Tự nhiên và Xã hội	70	70	70		
Lịch sử và Địa lí				70	70
Khoa học				70	70
Giáo dục thể chất	70	70	70	70	70
Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	70	70	70	70
Tin học và Công nghệ			70	70	70

2. Hoạt động giáo dục bắt buộc					
Hoạt động trải nghiệm	105	105	105	105	105
3. Hoạt động củng cố, tăng cường					
Thực hành Toán	105	105	47	35	35
Thực hành Tiếng Việt	140	105	58	35	35
Bồi dưỡng Âm nhạc			35		
Nâng cao thể lực		35			
Tổng số tiết/năm học	1120	1120	1120	1120	1120
Số buổi học/tuần	9	9	9	9	9
Số tiết trung bình/tuần	32	32	32	32	32

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học:

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học:

(Phụ lục 1.2)

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2024	Em yêu trường em	Chào mừng năm học mới; Tuyên truyền ATGT; Tổ chức Tết trung	Toàn trường	8 tiết	TPT, HS toàn trường / HĐSP	Phụ huynh HS
10/2024	Vòng tay bạn bè	Ca ngợi tình bạn, chào mừng ngày 20/10	Toàn trường	2 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS
11/2024	Biết ơn thầy cô giáo	Hội diễn văn nghệ về thầy cô và mái trường; giữ gìn trường lớp sạch đẹp	Sân khấu hóa	6 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS
12/2024	Uống nước nhớ nguồn	Tuyên truyền ngày 22/12; học tập và noi theo chú bộ đội	Toàn trường	4 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS
1/2024 2/2025	Mừng Đảng mừng xuân	Mùa xuân trên quê hương, Mừng Đảng- mừng xuân; phát động phong trào tết âm yêu thương.	Toàn trường	7 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS
3/2025	Tiến bước lên Đoàn	Chào mừng ngày Quốc tế phụ nữ; Kỷ niệm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Toàn trường	4 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS

4/2025	Hoà bình hữu nghị	Chào mừng ngày giải phóng miền Nam; Tổ chức ngày hội đọc sách	Sân khấu, trung bày	4 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS
5/2025	Nhớ ơn Bác Hồ	Chào mừng ngày sinh nhật Bác; Tổng kết năm học	Toàn trường	4 tiết	HS, GV, NV	Phụ huynh HS

2.2. Tổ chức các hoạt động sau giờ học cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày:

(Phụ lục 1.3)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	Tổ chức ăn bán trú	Ăn theo suất nấu	Tại nhà ăn	10h30 đến 11h30	Nhà ăn
2	Tổ chức nghỉ trưa	GV quản lý, hướng dẫn	Phòng ngủ (40-60 HS)	Từ 11h30 đến 13h30	Các phòng ngủ
3	Đọc sách	Đọc sách, truyện	HS có nhu cầu	Giờ ra chơi	Thư viện

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Ngày tựu trường: 28/8/2024

Ngày khai giảng: 05/9/2024

Học kì I: Từ ngày 06/9/2024 đến hết ngày 10/01/2025 (Gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác)

Học kì II: Từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 23/5/2025 (Gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác)

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 26/5- 30/5/2025

Tại trường Tiểu học Phong Hải, thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

Tuần Tháng	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tuần 5
Tháng 9 (3 tuần)		02/9-08/9	09/9 - 15/9	16/9 - 22/9	23/9 - 29/9
Tuần học		1	1 (tiếp)	2	3
Tháng 10 (5 tuần)	30/9 - 6/10	7/10- 13/10	14/10- 20/10	21/10- 27/10	28/10- 3/11
Tuần học	4	5	6	7	8
Tháng 11 (4 tuần)	4/11-10/11	11/11- 17/11	18/11- 24/11	25/11-1/12	
Tuần học	9	10 KTGKI	11	12	
Tháng 12 (4 tuần)	2/12- 8/12	9/12- 15/12	16/12- 22/12	23/12- 29/12	
Tuần học	13	14	15	16	
Tháng 01 (5 tuần)	30/12- 05/01	6/01- 12/01	13/01- 19/01	20/01- 26/01	27/01- 1/02
Tuần học	17	18 KTCKI	19	20	Nghỉ Tết nguyên đán
Tháng 02 (2 tuần)	3/2- 9/02	10/02- 16/02	17/02- 23/02	24/02- 2/03	
Tuần học	Nghỉ Tết nguyên đán	21	22	23	
Tháng 3 (4 tuần)	3/03- 9/3	10/3- 16/3	17/3 - 23/3	24/3 -30/3	
Tuần học	24	25	26	27 KTGKI II	
Tháng 4 (4 tuần)	31/3/ - 6/4	7/4 - 13/4	14/4-20/4	21/4-27/4	
Tuần học	28	29	30	31	
Tháng 5 (3 tuần)	28/4 - 04/5	5/5 - 11/5	12/5 - 18/5	19/5 - 25/5	
Tuần học	32	33	34 KTCK II	35	

3.1. Đối với khối lớp 1:

a, Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Phụ lục 1.4)

Thời gian		Tuần 1				
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL
	2	LL	LL	LL	LL	LL
	3	LL	LL	LL	LL	LL
	4	LL	LL	LL	LL	LL
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	
	6	LL	LL	LL	LL	
	7	LL	LL	LL	LL	
Tổng số tiết/tuần		32				
STT	Nội dung			SL tiết học	Ghi chú	
1	Tiếng Việt			12		
2	Toán			3		
3	Đạo đức			1		
4	TNXH			2		
5	GDTC			2		
6	Âm nhạc			1		
7	Mỹ thuật			1		
8	Hoạt động trải nghiệm			3		
9	Thực hành Toán			3		
10	Thực hành Tiếng việt			4		

3.2. Đối với khối lớp 2:

a, Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Phụ lục 1.4)

Thời gian		Tuần 1				
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL
	2	LL	LL	LL	LL	LL
	3	LL	LL	LL	LL	LL
	4	LL	LL	LL	LL	LL
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	
	6	LL	LL	LL	LL	
	7	LL	LL	LL	LL	
Tổng số tiết/tuần		32				
STT	Nội dung			SL tiết học	Ghi chú	
1	Tiếng Việt			10		
2	Toán			5		

3	Đạo đức	1	
4	TNXH	2	
5	GDTC	2	
6	Âm nhạc	1	
7	Mỹ thuật	1	
8	Hoạt động trải nghiệm	3	
9	Thực hành Toán	3	
10	Thực hành Tiếng việt	3	
11	Nâng cao thể lực	1	

b, Kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD khối lớp 2 (Có phụ lục kèm theo)

3.3. Đối với khối lớp 3:

a, Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Phụ lục 1.4)

Thời gian		Tuần 1				
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL
	2	LL	LL	LL	LL	LL
	3	LL	LL	LL	LL	LL
	4	LL	LL	LL	LL	LL
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	
	6	LL	LL	LL	LL	
	7	LL	LL	LL	LL	
Tổng số tiết/tuần		32				
STT	Nội dung			SL tiết học	Ghi chú	
1	Tiếng Việt			7		
2	Toán			5		
3	Đạo đức			1		
4	Tự nhiên và Xã hội			2		
5	Giáo dục thể chất			2		
6	Nghệ thuật (Âm nhạc)			1		
7	Nghệ thuật (Mỹ thuật)			1		
8	Hoạt động trải nghiệm			3		
9	Tin học và Công nghệ (Tin học)			1		
10	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)			1		
11	Tiếng Anh			4		
12	Thực hành Toán			1		
13	Thực hành Tiếng Việt			2		
14	Bồi dưỡng Âm nhạc			1		

b, Kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD khối lớp 3 (Có phụ lục kèm theo)

3.4. Đối với khối lớp 4:

a, Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Phụ lục 1.4)

Thời gian		Tuần 1				
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL
	2	LL	LL	LL	LL	LL
	3	LL	LL	LL	LL	LL
	4	LL	LL	LL	LL	LL
Chiều	1	LL	LL	LL	LL	
	2	LL	LL	LL	LL	
	3	LL	LL	LL	LL	
Tổng số tiết/tuần		32				
STT	Nội dung			SL tiết học	Ghi chú	
1	Tiếng Việt			7		
2	Toán			5		
3	Đạo đức			1		
4	Khoa học			2		
5	Lịch sử & Địa lý			2		
6	Giáo dục thể chất			2		
7	Nghệ thuật (Âm nhạc)			1		
8	Nghệ thuật (Mỹ thuật)			1		
9	Hoạt động trải nghiệm			3		
10	Tin học và Công nghệ (Tin học)			1		
11	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)			1		
12	Tiếng Anh			4		
13	Thực hành Toán			1		
14	Thực hành Tiếng Việt			1		

b, Kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD khối lớp 4 (Có phụ lục kèm theo)

3.5. Đối với khối lớp 5:

a, Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

(Phụ lục 1.4)

Thời gian		Tuần 1				
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL
	2	LL	LL	LL	LL	LL

	3	LL	LL	LL	LL	LL
	4	LL	LL	LL	LL	LL
Chiều	1	LL	LL	LL	LL	
	2	LL	LL	LL	LL	
	3	LL	LL	LL	LL	
Số tiết/tuần		32				
STT	Nội dung			SL tiết học	Ghi chú	
1	Tiếng Việt			7		
2	Toán			5		
3	Đạo đức			1		
4	Khoa học			2		
5	Lịch sử & Địa lý			2		
6	Giáo dục thể chất			2		
7	Nghệ thuật (Âm nhạc)			1		
8	Nghệ thuật (Mỹ thuật)			1		
9	Hoạt động trải nghiệm			3		
10	Tin học và Công nghệ (Tin học)			2		
11	Tin học và Công nghệ (Công nghệ)			1		
12	Tiếng Anh			4		
13	Thực hành Toán			1		
14	Thực hành Tiếng Việt			1		

b, Kế hoạch dạy học các môn học, HĐGD khối lớp 5 (Có phụ lục kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

1.1. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Trường đảm bảo đầy đủ các phòng học, phòng học bộ môn, nhà vệ sinh và công trình nước sạch, đảm bảo 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.

- Thực hiện mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

- Nhà trường công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường vào đầu năm học theo quy định, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng “*thiết bị đến trường mà không ra lớp*”; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông;

- Tiến hành rà soát, đề xuất đề nghị các cấp đầu tư nâng cấp sân trường đảm bảo mỹ quan và an toàn trường học.

1.2. Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

- Xây dựng thời lượng cho tiết đọc và lịch đọc hàng ngày. Giáo viên đăng kí các tiết học thư viện, xây dựng kế hoạch bài dạy tiết thư viện. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo quản lý và tổ chức hoạt động thư viện. Thực hiện dạy các tiết đọc, tiết học thư viện tại thư viện đảm bảo dạy 02 tiết học/lớp/học kì; dạy 01 tiết học/lớp/ học kì.

- Tạo điều kiện cho nhân viên thư viện được tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo Công văn số 1510/SGDDĐT-GDTH ngày 31/5/2021 của Sở GDĐT về việc tổ chức hoạt động thư viện trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021 – 2022.

- Dự trù nguồn kinh phí để mua sách giao khoa bổ sung vào thư viện.

- Phân công Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn thảo luận nội dung sử dụng thiết bị dạy học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ theo công văn số 295/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/01/2019 về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị, phần mềm, phòng học, phòng điều hành của Dự án ứng dụng CNTT tiên tiến và Dự án trường học thông minh; công văn số 805/SGDDĐT-GDTrH ngày 12/4/2018 về tăng cường công tác quản lý, sử dụng và khai thác có hiệu quả thiết bị đồ dùng, phòng ứng dụng CNTT tiên tiến. Quyết định số 1158/QĐ-SGDĐT ngày 29/7/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh Quyết định ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong trường mầm non, trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Triển khai thực hiện Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GDĐT và văn bản hướng dẫn thực hiện của Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

2. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

2.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi

- Triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

- Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số.

- Bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

- Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo và trên phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý. Tất cả giáo án của giáo viên, hồ sơ tổ, kế hoạch của nhà trường, nội quy, quy chế được đưa lên Deriver.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin, tham gia các hoạt động dạy học trực tuyến sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi

số theo kế hoạch của ngành giáo dục và đào tạo theo: *Kế hoạch số 496/KH-GDDT ngày 22/02/2022 của Sở GDĐT về kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 331/KH-PGDĐT ngày 15/04/2024 của Phòng GDĐT về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên năm 2024; Kế hoạch số 1053/KH-PGDĐT ngày 13/12/2023 của Phòng GDĐT về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số ngành giáo dục thị xã giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.*

- Đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thường xuyên, liên tục; bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trên 5% trong nhà trường.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

- Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành, trên phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý.

2.2. Triển khai Học bạ số:

- Thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo. Kế hoạch số 335/KH-PGDĐT ngày 15/4/2024 của Phòng GDĐT ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm học bạ số cấp tiểu học.

2.3. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy:

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở nhà trường thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Sở GDĐT. *(Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn triển khai cụ thể).*

3. Thực hiện công tác đội ngũ:

3.1. Thực hiện rà soát, tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên

a) Số lượng

- Tổng số: 32 trong đó
- CBQL: 02 đ/c Trình độ Thạc sĩ: 01 đ/c Đại học: 01 đ/c
- Nhân viên: 03 trong đó 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên thư viện thiết bị; 01 nhân viên kế toán.
- Giáo viên: 27 đồng chí
- TPT: 01 đồng chí
- Trình độ Đại học: 25 đ/c Trung cấp: 02 đ/c

- Đội ngũ giáo viên chưa đảm bảo về số lượng theo quy định của trường chuẩn: 1,5 hiện nay số lượng nhà trường được 1,42 giáo viên/lớp.

b) Chuẩn nghề nghiệp

- Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng: Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tự đánh giá theo chuẩn Hiệu trưởng (chu kỳ một năm một lần vào cuối năm học). Nhà trường tổ chức lấy ý kiến giáo viên, nhân viên trong trường đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo chuẩn hiệu trưởng.

- Đối với giáo viên: Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; GV tự đánh giá (chu kỳ một năm một lần). Đánh giá của GV, nhân viên đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; đánh giá của cấp trên đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; đánh giá của đồng nghiệp trong tổ chuyên môn (chu kỳ hai năm một lần)

3.2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện Chương trình GDPT 2018

- Nghiêm túc thực hiện việc bồi dưỡng theo kế hoạch của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, nhà trường, tổ chuyên môn;

- Có đầy đủ hồ sơ kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cá nhân.

- Tạo điều kiện cho giáo viên được bồi dưỡng về chuyên môn để triển khai thực hiện dạy học chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5

- Rà soát lại vị trí việc làm để phân công nhiệm vụ cho giáo viên phù hợp.

- Trường thiếu 02 giáo viên theo biên chế được giao nên nhà trường phải tham mưu với Phòng giáo dục hợp đồng giáo viên dạy thỉnh giảng để đảm bảo “*có học sinh thì phải có giáo viên*”.

- Nhà trường đảm bảo đội ngũ giáo viên dạy Tiếng Anh, Tin học cụ thể:

+ Số lượng giáo viên hiện có: 02 giáo viên Tiếng anh. 01 giáo viên Tin học.

+ Giáo viên Tin học đã đi học Đại học đảm bảo trình độ chuẩn và học Tin học và công nghệ;

- Ứng dụng CNTT vào bài giảng: Thực hiện áp dụng CNTT vào các tiết dạy phù hợp với cơ sở vật chất của lớp mình.

Tổ chức các hội thảo chuyên đề để bồi dưỡng giáo viên:

+ Chuyên đề cấp tổ: Thực hiện 01 chuyên đề/01 tổ/học kì. Mỗi chuyên đề tổ chức với thời lượng ½ ngày, số tiết dạy minh họa tối thiểu trong 01 chuyên đề là 2 tiết và 01 báo cáo.

+ Chuyên đề cấp trường: Thực hiện 01 chuyên đề /năm học với thời lượng ½ ngày, dạy minh họa 2 tiết và 01 báo cáo. Nội dung chuyên đề dạy các môn lớp 5 theo chương trình GDPT 2018. Thời gian tổ chức chuyên đề hoàn thành trong tháng 9 để phù hợp, đáp ứng được nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên.

+ Tham gia chuyên đề cấp cụm Phong Hải gồm các trường TH&THCS Tiên Phong, Phong Cốc, Tiểu học Liên Vị, Liên Hoà: Thực hiện 01 tiết dạy minh họa. Tham gia chuyên đề cấp cụm môn Tiếng Anh: tại trường Tiểu học Tiên An.

- + Tham gia chuyên đề cấp thị xã, cấp Tỉnh theo kế hoạch của PGD.
- Chọn đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường.
- Tham gia Bồi dưỡng thường xuyên: mỗi giáo viên, CBQL các nhà trường thực hiện Chương trình BDTX với thời lượng 120 tiết/năm học, bao gồm:
 - Chương trình bồi dưỡng 01: Khoảng 01 tuần/năm học (40 tiết/năm học).
 - Chương trình bồi dưỡng 02: Khoảng 01 tuần/năm học (40 tiết/năm học).
 - Chương trình bồi dưỡng 03: Khoảng 01 tuần/năm học (40 tiết/năm học).
 - Kết hợp với Trường Đại học Hạ Long để thực hiện đăng ký giáo viên tham gia các nội dung bồi dưỡng giáo viên phổ thông theo yêu cầu vị trí việc làm.

3.3. Tổ chức có chất lượng các hội thi cho giáo viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GDĐT về Hội thi GVĐG và GVCNLG từ năm 2020”.
- Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường kết hợp với thao giảng chào mừng ngày 20/11- Ngày Nhà giáo Việt Nam. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban tổ chức gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và các thành viên khi tổ chức Hội thi, Quyết định công nhận giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường. Dự kiến tổ chức vào tháng 10/2024.
- + Ban tổ chức Hội thi: thông báo chi tiết, nội quy tổ chức Hội thi; kiểm tra hồ sơ; chuẩn bị địa điểm, trang thiết bị phục vụ, cơ sở vật chất, kinh phí và các điều kiện đảm bảo cho Hội thi; tổ chức và điều hành toàn bộ các hoạt động của hội thi theo quy định; tổng kết, đánh giá và công bố kết quả thi.
- + Ban giám khảo: dự giờ và đánh giá tiết dạy; dự phần trình bày biện pháp.
- Ban giám hiệu lập danh sách giáo viên đăng kí tham gia hội thi Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thị xã theo kế hoạch PGD,
- Lựa chọn giáo viên tham gia giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh vào tháng 11/2024.

4. Thực hiện sử dụng sách giáo khoa

Tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa cho năm học 2024-2025 theo đúng Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ GDĐT quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa môn Tiếng Pháp lớp 3, sách giáo khoa lớp 4, lớp 5, lớp 9, lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Thông báo công khai danh mục sách giáo khoa được sử dụng trong năm học 2024 - 2025.

- Kịp thời đăng ký và cung ứng đủ sách giáo khoa cho học sinh và tổ chức tập huấn giáo viên sử dụng sách giáo khoa trước khi vào năm học mới.
- Thực hiện rà soát các đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc đối tượng chính sách; học sinh hộ nghèo và

cận nghèo; huy động các nguồn lực xã hội thực hiện rà soát đối tượng được hỗ trợ sách giáo khoa để có giải pháp hỗ trợ kịp thời, đảm bảo tất cả học sinh có đầy đủ sách giáo khoa, không để học sinh nào bị thiếu sách giáo khoa trước khi vào năm học mới.

-Tổ chức đánh giá việc triển khai, sử dụng các sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 đã lựa chọn thực hiện trong năm học 2024-2025, báo cáo kết quả sử dụng sách giáo khoa các lớp 1, 2, 3, 4,5 theo quy định.

Bộ sách sử dụng các môn học bắt buộc

* *Lớp 1:* Bộ SGK theo Chương trình GDPT 2018.

STT	Tên sách	Bộ sách	Tên tổng chủ biên/ Chủ biên
1	Tiếng Việt	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng
2	Toán	Bộ sách cánh diều	Đỗ Đức Thái
3	Đạo đức	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan
4	Tự nhiên và Xã hội	Bộ sách Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn
5	Giáo dục Thể chất	Bộ sách Cánh diều	Đặng Ngọc Quang
6	HĐTN	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Sỹ Tụng
7	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính
8	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh diều	Phạm Văn Tuyền
9	Tiếng Anh	(I-learn Smart Start)	

* *Lớp 2:* Bộ SGK theo Chương trình GDPT 2018.

STT	Tên sách	Bộ sách	Tên tổng chủ biên/ Chủ biên
1	Tiếng Việt	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng
2	Toán	Bộ sách cánh diều	Đỗ Đức Thái
3	Đạo đức	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan
4	Tự nhiên và Xã hội	Bộ sách Cánh diều	Mai Sĩ Tuấn
5	Giáo dục Thể chất	Bộ sách Cánh diều	Lưu Quang Hiệp
6	HĐTN	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy

7	Âm nhạc	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long
8	Mĩ thuật	Bộ sách Cánh diều	Nguyễn Thị Đông
9	Tiếng Anh	(I-learn Smart Start)	

*Lớp 3: Bộ SGK theo Chương trình GDPT 2018.

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tổng chủ biên/ Chủ biên
1	Tiếng Việt 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng
2	Toán 3	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái
3	Đạo Đức 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn
5	Tin học 3	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm
6	Công Nghệ 3	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh
7	Giáo dục thể chất 3	Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp
8	Âm Nhạc 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy
9	Mĩ Thuật 3	Cánh Diều	Nguyễn Xuân Nghị
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Đông
11	Tiếng Anh 3	English Discovery	

* Lớp 4: Bộ SGK theo Chương trình GDPT 2018.

TT	Tên sách	Bộ sách	Tên tổng chủ biên/ Chủ biên
1	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng
2	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan
4	Khoa học	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn
5	Lịch sử và Địa lý	Cánh Diều	Nguyễn Văn Dũng Đỗ Thanh Bình
6	Tin học	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm
7	Công nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Tất Thắng
8	Giáo dục Thể chất	Cánh Diều	Đình Quang Ngọc
9	Âm Nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính

10	Mĩ Thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông
11	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy
12	Tiếng Anh	English Discovery	Trần Thị Lan Anh

* Lớp 5: Bộ SGK theo Chương trình GDPT 2018.

Stt	Môn, Hoạt động giáo dục	Tên bộ sách	Tên tổng chủ biên
1	Toán	Cánh Diều	Đỗ Đức Thái
2	Tiếng Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng
3	Đạo đức	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan
4	Lịch sử và Địa lý	Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình
5	Khoa học	Cánh Diều	Bùi Phương Nga
6	Tin học	Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm
7	Công nghệ	Cánh Diều	Nguyễn Trọng Khanh
8	Giáo dục thể chất	Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc
9	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính
10	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nguyễn Thị Đông
11	Hoạt động trải nghiệm	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy
12	Tiếng Anh	EnglishDiscovery	Trần Thị Lan Anh

5. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy chế, sinh hoạt chuyên môn

- Quy chế chuyên môn được xây dựng cụ thể nhằm hướng dẫn thực hiện đúng các quy định về chuyên môn của ngành, của nhà trường trong quá trình giáo dục.

Nội dung của quy chế được cụ thể hóa trong Quy chế của chuyên môn năm học 2024-2025 của nhà trường.

- Tuần 1: Họp Hội đồng sư phạm
- Tuần 2: Sinh hoạt chuyên môn toàn trường

- Tuần 3 và 4: Sinh hoạt Tổ chuyên môn

6. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

6.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế.

- Linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo cuối năm học 2024-2025 đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

- Bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh.

- Chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt (5% trực tuyến), phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước;

- Khi xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 nhà trường sẽ lưu ý việc củng cố, bổ sung những nội dung có liên quan ở lớp học dưới.

6.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc đối với các môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Công Nghệ, Tiếng Anh (lớp 3, lớp 4, lớp 5), Hoạt động trải nghiệm.

- Các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình: Không triển khai thực hiện do không đủ điều kiện thực hiện.

- Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện; thời khóa biểu được sắp xếp khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi học sinh.

- Bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa

phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

- Căn cứ Công văn số 1874/SGDDĐT-GDPT ngày 05/7/2021 của Sở GDĐT về việc thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022. Công văn số 584/PGDDĐT-CMTH ngày 19/7/2021 của Phòng GDĐT v/v thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học năm học 2021 - 2022.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT ban hành, hướng dẫn như:

Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 256/PGDDĐT ngày 12/4/2022 của Phòng GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Công văn số 1023/SGDDĐT-GDTH ngày 28/4/2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học; Công văn số 3210/SGDDĐT-GDPT ngày 04/11/2021 của Sở GDĐT về hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 đối với cấp tiểu học từ năm học 2021-2022; Công văn số 1908/SGDDĐT-GDPT ngày 12/6/2024 của Sở GDĐT về hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2024-2025; Kế hoạch số 53/KH-PGDĐT ngày 23/01/2024 của Phòng GDĐT về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 5; Công văn số 85/SGDDĐT ngày 10/01/2024 về triển khai tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho học sinh tiểu học; Công văn số 244/SGDDĐT-GDPT ngày 23/01/2024 về triển khai thực hiện tích hợp quyền con người trong chương trình môn học tiểu học; Kế hoạch số 01/KH-PGDĐT ngày 02/01/2024 v.v tập huấn hướng dẫn dạy học tích hợp giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục cấp Tiểu học ; Kế hoạch số 526/KH-BGDĐT ngày 17/5/2022 của Bộ GDĐT về triển khai thực hiện giáo dục STEM cấp tiểu học; Công văn số 869/PGDDĐT ngày 01/11/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2022-2023.

- Rà soát thiết bị dạy học theo các văn bản chỉ đạo sau: *Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên*

dùng thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Sắp xếp thời khóa biểu khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

6.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ, Tin học

6.3.1. Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ

- *Đối với lớp 1 và lớp 2:* Không triển khai thực hiện do không đủ điều kiện

- *Đối với lớp 3 và lớp 4,5:* Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng anh bắt buộc bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

- Thực hiện đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT đã được Sở GDĐT cụ thể hoá qua các văn bản:

+ Công văn số 2210/SGDDĐT-GDPT ngày 16/8/2023 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện hướng dẫn tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học theo Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ GDĐT; Công văn số 256/PGDDĐT ngày 12/4/2022 của Phòng GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

+ Chương trình giáo dục phổ thông làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

+ Môn Tiếng Anh: thực hiện theo Chương trình GDPT môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và Công văn số 946/SGDDĐT-GDPT ngày 07/4/2022 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

- Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp khác. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động ngoại khoá.

6.3.2. Tổ chức dạy học Tin học

- Tổ chức dạy học Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Triển khai thực hiện theo Công văn số 946/SGDĐT-GDPT ngày 07/4/2022 của Sở GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học. Công văn số 256/PGDĐT ngày 12/4/2022 của Phòng GDĐT về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

- Công văn số 2197/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2019 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học trong các trường phổ thông từ năm học 2019-2020.

- Tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đối với lớp 3,4,5 đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Phân công giáo viên dạy Tin học linh hoạt, phù hợp, đáp ứng đúng nội dung và yêu cầu cần đạt tương ứng theo quy định của Chương trình.

6.4. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

- Đẩy mạnh việc quán triệt, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương.

- Cập nhật, bổ sung hệ giá trị lịch sử, văn hoá, con người Quảng Ninh vào dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Công văn số 1985/SGDĐT-GDPT ngày 18/6/2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện từ năm học 2024-2025 của Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Khi xây dựng lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

- Triển khai thực hiện theo các Công văn số 3210/SGDĐT-GDPT ngày 04/11/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018 đối với cấp tiểu học từ năm học 2021-2022; Công văn số 2345/SGDĐT-GDPT ngày 31/8/2023 về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục “Địa phương em” trong chương trình môn Lịch sử-Địa lý lớp 4. Kế hoạch số 780/KH-PGDĐT ngày 16/9/2023 của Phòng GDĐT về tập huấn - chuyên đề dạy học tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 và dạy học nội dung Địa phương em trong môn Lịch sử và Địa lý lớp 4 Chương trình GDPT 2018

- Công văn số 684-PGDĐT-CMTHCS ngày 18/6/2024 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn cập nhật, bổ sung hệ giá trị lịch sử, văn hoá, con người Quảng Ninh vào dạy học nội dung giáo dục địa phương từ năm học 2024-2025

6.5. Triển khai giáo dục STEM

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở GDĐT, Phòng GDĐT đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM trong những lĩnh vực cụ thể: dạy học tích hợp trong các môn học, dạy học lồng ghép, tích hợp theo chủ đề nội môn, liên môn đảm bảo giáo dục STEM hiệu quả, tổ chức chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đảm bảo triển khai thực hiện giáo dục STEM tại nhà trường đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

- 100% học sinh được tham gia hoạt động STEM thực hiện dạy 2 chủ đề STEM/lớp/học kì.

- Tổ chức Hội thi STEM cấp trường, tham gia hoạt động STEM cấp thị xã

Bố trí nguồn ngân sách chuẩn hoá phòng Khoa học và Công nghệ theo quy định, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục STEM. Hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của giáo viên toàn trường; kịp thời phát hiện khó khăn và có các biện pháp xử lý phù hợp, linh hoạt. Tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai giáo dục STEM trong nhà trường; Khen thưởng, biểu dương giáo viên và học sinh thực hiện tốt, đồng thời phát hiện khó khăn và có các biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn phù hợp để thực hiện hiệu quả; tổng hợp ý kiến của các tổ chuyên môn về các nội dung liên quan và báo cáo Phòng GDĐT trong quá trình thực hiện.

- Triển khai thực hiện theo các văn bản Công văn số 2964/SGDĐT-GDPT ngày 18/10/2022 về việc hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2022-2023. Công văn số 869/PGDĐT ngày 01/11/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2022-2023; Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo.

6.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

6.6.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học;

- Không áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành;

- Cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực của giáo viên.

- Tiếp tục triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột, thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; Trong năm học mỗi giáo viên dạy môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học đăng ký áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” vào môn học tối thiểu 2 tiết/học kỳ, 4 tiết/năm.

- Vận dụng “Sơ đồ tư duy” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp.

- Tổ chức dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy bộ Tài liệu “*Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh tiểu học*”

- Thực hiện dạy học tích hợp các nội dung giáo dục (giáo dục địa phương; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học; giáo dục về quyền con người, Giáo dục lý tưởng cách mạng đạo đức lối sống...) linh hoạt theo các hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế của đối tượng học sinh;

- Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Sinh hoạt tổ chuyên môn 2 lần/tháng, gồm sinh hoạt thường xuyên và sinh hoạt theo chủ đề.

- Thực hiện đầy đủ các công văn: Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học. Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về việc đính chính Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (đối với các cơ sở giáo dục tư thục); Thông tư số 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 về quy định một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Địa chỉ website: <https://www.youtube.com/@igiaoduc> Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

6.6.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm yêu cầu trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, không khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Phối hợp cùng trường THCS Phong Hải coi, chấm kiểm tra bàn giao học sinh lớp 5 lên lớp 6. Với các lớp 1,2,3,4 phân công giáo viên chủ nhiệm cũ và giáo viên chủ nhiệm năm học tiếp theo của lớp cùng coi, chấm kiểm tra và tổ chức kí biên bản bàn giao chất lượng vào cuối năm học.

- Biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022;

- Thời gian tổ chức các kì kiểm tra:

+ Kiểm tra giữa kì I và giữa kì II các môn Toán, Tiếng Việt đối với các lớp 4,5: Thực hiện theo đúng phân phối chương trình đối với từng môn ở từng khối lớp.

+ Kiểm tra định kì cuối kì I: Dự kiến bắt đầu từ ngày 6/1/2025 và kết thúc chậm nhất ngày 10/01/2025.

+ Kiểm tra định kì cuối kì II: Dự kiến bắt đầu từ ngày 12/5/2024 và kết thúc chậm nhất ngày 18/5/2025.

Tổ chức các cuộc kiểm tra, giao lưu cấp trường trong năm học:

+ Tổ chức Giao lưu học sinh năng khiếu Toán, Tiếng Việt lớp 3, 4, 5; giao lưu học sinh năng khiếu Tiếng Anh lớp 4, 5: 2 tháng/lần.

+ Tổ chức sáng tạo Stem dành cho học sinh toàn trường.

+ Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và các nội dung giáo dục thể chất khác.

Tham gia các cuộc kiểm tra và giao lưu cấp thị xã:

- Giao lưu học sinh năng khiếu cá nhân các môn học dành cho học sinh lớp 3, 4, 5; thời gian dự kiến vào tháng 4/2025.

- Hội thi Stem dành cho học sinh Tiểu học.

- Tham gia đầy đủ các cuộc kiểm tra, giao lưu thuộc nội dung giáo dục thể chất: bóng đá, bơi, cờ vua, điền kinh...do các cấp tổ chức.

7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

7.1. Giáo dục trẻ khuyết tật.

Năm học 2024-2025, nhà trường có 03 học sinh khuyết tật học hòa nhập

- Duy trì 100% số trẻ khuyết tật học tại trường: 03 em

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Dạng khuyết tật
1	Nguyễn Phúc Minh	09/08/2015	4D	Trí tuệ
2	Bùi Đức Trí	09/04/2014	5A	Trí tuệ
3	Lê Quang Thạch	04/11/2012	5D	Thần kinh, tâm thần, trí tuệ

- Thực hiện Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Quyết định số 1929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỉ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 3662/KH-SGDĐT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT về triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng, giai đoạn 2021-2025 và Chương trình trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030.

- Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; Tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, hòa nhập và yêu cuộc sống.

- Giao cho đồng chí Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng về công tác GDHN trẻ khuyết tật. Chỉ đạo thực hiện nội dung dạy học theo chương trình và sách giáo khoa chung do Bộ GD&ĐT quy định một cách linh hoạt phù hợp với từng dạng khuyết tật. Giáo viên được phép điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với học sinh khuyết tật và khả năng của học sinh khuyết tật của lớp mình. Chú trọng giáo dục các kỹ năng xã hội cho học sinh như: giáo dục học sinh biết ứng xử với bạn bè, gia đình, hoà đồng với bạn bè, biết tự chăm sóc bản thân, tham gia các hoạt động khác ở mức đơn giản.

- Động viên phối hợp phụ huynh cho con đến các Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập để cùng hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn dạy học sinh khuyết tật học hoà nhập.

- Tăng cường phối hợp các Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trên địa bàn xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục có tổ chức dạy học hòa nhập.

7.2. Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Đảm bảo cho học sinh khó khăn không bỏ học, thất học.

Năm học 2024-2025, nhà trường có 15 học sinh có hoàn cảnh khó khăn (con hộ nghèo, cận nghèo, trẻ con mồ côi). Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ, động viên kịp thời cho học sinh dịp khai giảng, Tết nguyên đán

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đỗ Thị Lan - Hiệu trưởng

Tham gia sinh hoạt tại tổ 4-5. Quản lý và điều hành mọi hoạt động chung của nhà trường; Chịu trách nhiệm trước phòng GD&ĐT Quảng Yên, UBND phường Phong Hải và Thị xã về toàn bộ hoạt động của nhà trường. Chịu trách nhiệm các nội dung:

1.1. Công tác tư tưởng, chính trị:

- Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp, hội nghị của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CB, GV, NV, học sinh toàn trường.

1.2. Điều hành công tác tổ chức tại đơn vị

- Quản lý CB, GV, NV: Phân công nhiệm vụ công tác cho các thành viên trong hội đồng giáo dục; bố trí sắp xếp nhân sự.

- Thực hiện việc ký kết hoặc chấm dứt các hợp đồng lao động, tiếp nhận và điều động giáo viên theo quyết định; Chịu trách nhiệm trong việc bố trí, cử GV tham gia học tập bồi dưỡng CMNV, nâng cao trình độ tay nghề,...

- Quản lý học sinh (Chuyển đi, chuyển đến, bố trí sắp xếp lớp, học sinh,....).

1.3. Quản lý công tác Tài chính của đơn vị:

- Tiếp nhận nguồn ngân sách phân bổ theo Quyết định của UBND Thị xã

- Thực hiện quản lý điều hành các nội dung thu, chi theo quy định.

1.4. Chỉ đạo hoạt động bán trú;

1.5. Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, báo cáo, đánh giá kết quả với cấp trên.

1.6. Phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

- Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành.

1.7. Thực hiện các nội dung công khai trong trường học, các chế độ chính sách, quy chế dân chủ, công tác xã hội hóa giáo dục.

1.8. Tổ trưởng tổ chủ nhiệm.

2. Phó Hiệu trưởng Phùng Thị Hòa

Tham gia sinh hoạt tổ 1,2,3; Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số lĩnh vực của đơn vị do Hiệu trưởng phân công, cụ thể như sau:

2.1. Công tác chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch chuyên môn, chỉ đạo công tác của tổ chuyên môn, phê duyệt kế hoạch tổ CM.

- Quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn, dạy học tự chọn.

- Quản lý, kiểm tra, nhận xét các loại hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyên môn. (Kế hoạch của tổ chuyên môn, Kế hoạch giảng dạy của giáo viên, đánh giá xếp loại chuyên môn của giáo viên; ...)

- Chỉ đạo các kỳ kiểm tra định kỳ: Phân công ra đề, duyệt đề kiểm tra...

- Thống kê, tổng hợp và quản lý các chỉ số, số liệu về chuyên môn.

2.2. Chỉ đạo công tác Thư viện, thiết bị.

- 2.3. Phụ trách Công tác Y tế học đường.
- 2.4. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- 2.5. Phụ trách theo dõi cơ sở vật chất nhà trường.
- 2.6. Điều hành và chỉ đạo công tác Phổ cập.
- 2.7. Phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường. Quản trị mạng (phụ trách trang web và các phần mềm của nhà trường).
- 2.8. Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ trường chuẩn Quốc gia, Kiểm định CLGD trường tiểu học.
- 2.9. Chỉ đạo hoạt động của các tổ chức, đoàn thể theo chức năng.
 - Phụ trách các tổ chức chính trị xã hội: Đoàn TN, Đội TN, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học....
 - Trực tiếp phê duyệt kế hoạch của các tổ chức đoàn thể liên quan đến hoạt động ngoại khóa trong nhà trường.
 - Quản lý hồ sơ của chi bộ, phê duyệt các văn bản của Chi bộ theo thẩm quyền.

Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động, giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc, ký duyệt các hoạt động của cán bộ, giáo viên và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Hiệu trưởng uỷ quyền, hoặc khi Hiệu trưởng đi vắng. Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực mình được phụ trách đồng thời chịu trách nhiệm cùng Hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường trước phòng GD&ĐT Quảng Yên, UBND phường Phong Hải và Thị xã.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục.
- Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.
- Đề xuất các xuất bản phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường.
- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và giới thiệu tổ trưởng, tổ phó.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh
- Kết hợp với Phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng và được hiệu trưởng phê duyệt.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm.

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

- Ngoài ra, giáo viên chủ nhiệm còn phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giáo viên phụ trách môn học đối với các môn học mà mình được phân công.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Thực hiện giáo dục theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách.

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh và với cha mẹ học sinh; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

- Tham gia lựa chọn xuất bản phẩm tham khảo phù hợp để sử dụng trong nhà trường.

- Tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

- Tham gia thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ ở địa phương.

- Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

7. Nhân viên

- Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhân viên nhà trường xây

dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động cá nhân theo tuần, tháng, năm học nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường;

- Tùỵ theo vị trí việc làm, nhân viên văn thư, nhân viên TV-TB, nhân viên kế toán thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các văn bản quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm đang đảm nhiệm.

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của tổ, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi hiệu trưởng phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Phong Hải, đề nghị Chuyên môn nhà trường, các đoàn thể và cá nhân các đồng chí CBGVNV nhà trường thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để: b/cáo);
- CB,GV,NV (để: t/hiện);
- Lưu: VT ./.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lan

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH CÁC KHỐI LỚP
Năm học 2024-2025

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT		HS KT		Bán trú	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 1	143	72	50.35	0	0	0	0	0	0	112	78.32
1A	36	19	52.78	0	0	0	0	0	0	23	63.89
1B	36	17	47.22	0	0	0	0	0	0	33	91.67
1C	35	21	60	0	0	0	0	0	0	27	77.14
1D	36	15	41.67	0	0	0	0	0	0	29	80.56
Khối 2	119	74	62.18	1	0.84	1	0.84	0	0	89	74.79
2A	32	20	62.5	1	3.13	1	3.13	0	0	27	84.38
2B	32	21	65.63	0	0	0	0	0	0	24	75
2C	28	15	53.57	0	0	0	0	0	0	17	60.71
2D	27	18	66.67	0	0	0	0	0	0	21	77.78
Khối 3	101	44	43.56	2	1.98	1	0.99	0	0	62	61.39
3A	34	14	41.18	1	2.94	1	2.94	0	0	20	58.82
3B	35	12	34.29	0	0	0	0	0	0	20	57.14
3C	32	18	56.25	1	3.13	0	0	0	0	22	68.75
Khối 4	142	73	51.41	1	0.7	1	0.7	1	0.7	83	58.45
4A	35	18	51.43	0	0	0	0	0	0	16	45.71
4B	37	20	54.05	0	0	0	0	0	0	22	59.46
4C	35	18	51.43	0	0	0	0	0	0	20	57.14
4D	35	17	48.57	1	2.86	1	2.86	1	2.86	25	71.43
Khối 5	126	59	46.83	1	0.79	0	0	2	1.59	44	34.92
5A	32	14	43.75	0	0	0	0	1	3.13	18	56.25
5B	32	14	43.75	1	3.13	0	0	0	0	9	28.13
5C	31	16	51.61	0	0	0	0	0	0	10	32.26
5D	31	15	48.39	0	0	0	0	1	3.23	7	22.58
Tổng cộng	631	322	51.03	5	0.79	3	0.48	3	0.48	390	61.81